TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1106/2017/LĐ-PT
Ngày: 07/12/2017
V/v Tranh chấp về tiền trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân.
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang.
Bà Phan Thị Út.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy.
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Huỳnh Thanh Hải là Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 01 tháng 12 năm 2017 và ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 55/2017/LĐPT ngày 13 tháng 9 năm 2017 về: "Tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp".

Do Bản án sơ thẩm số 1595/2017/LĐ-ST ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo của bị đơn Công ty X.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2589/2017/QĐ-PT ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trương Hải C. Sinh năm 1969.
Địa chỉ: 550A đường T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần X.
Trụ sở: 127 đường H, phường C, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T.
Người đại diện theo ủy quyền:
Bà Nguyễn Thị Minh H. Sinh năm 1955. Vắng mặt không có lý do.
Bà Đinh Thị Thanh H1. Sinh năm 1976. Có mặt.
Địa chỉ: 309/1A đường V, phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trương Hải C trình bày:

Ông Trương Hải C làm việc tại Công ty X (gọi tắt là Công ty X) từ ngày 20/8/1988 đến ngày 29/3/2013. Bậc lương trước khi nghỉ việc của ông là 4.40 và ông đóng bảo hiểm xã hội trên cơ sở bậc lương này. Theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 78/QĐ-TCHC ngày 24/9/2013, Công ty X phải trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông là 46.200.000 đồng và xác định kể từ ngày 01/01/2009 đến ngày 29/3/2013 ông sẽ hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Công ty X đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông đến tháng 8/2012 và khoảng tháng 4/2017 đã đóng bổ sung đến hết tháng 3/2013. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty X chỉ trả tiền trợ cấp thôi việc là 5.000.000 đồng, không trả sổ Bảo hiểm xã hội cho ông nên ông không làm thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp được, mặc dù ông đủ thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp và thực tế thất nghiệp từ khi nghỉ việc tại Công ty X đến nay.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Công ty X trả sổ bảo hiểm xã hội, thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền trợ cấp thôi việc là 41.200.000 đồng, bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp là 16.632.000 đồng. Tổng số tiền Công ty X phải trả cho ông là 57.832.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Công ty X có người đại diện theo ủy quyền là bà Đinh Thị Thanh H1 trình bày:

Công ty X xác nhận quá trình làm việc, nghỉ việc, đóng bảo hiểm xã hội, trả tiền trợ cấp thôi việc và mức lương của ông Trương Hải C trước khi nghỉ việc, đúng như ông C đã trình bày. Công ty X hiện đang giữ sổ bảo hiểm xã hội của ông C và đồng ý trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông C ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do Công ty X đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, không còn khả năng chi trả nên Công ty X không đồng ý trả số tiền trợ cấp thôi việc còn lại và bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp như ông C yêu cầu.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 1595/2017/LĐ-ST ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2007;

Căn cứ Khoản 2 Điều 15, Điều 82 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 và Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Hải C:

Buộc Công ty X phải trả cho ông Trương Hải C sổ bảo hiểm xã hội và tiền trợ cấp thôi việc là 41.200.000 đồng, bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp là

16.632.000 đồng, tổng cộng là 57.832.000 đ (năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trương Hải C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty X chậm trả tiền thì Công ty X còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty X phải nộp là 1.734.960 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Trong thời hạn luật định ngày 07/8/2017 Công ty X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

Căn cứ theo hồ sơ khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hải C cung cấp, Công ty nhận thấy hồ sơ chưa hợp lý, hợp lệ, chứng cứ không rõ ràng, khai chưa đúng, bản án chưa thấu tình, đạt lý, yêu cầu Công ty trả tiền trợ cấp thất nghiệp là không đúng với quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

Nguyên đơn đề nghị xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử Sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền trợ cấp thất nghiệp không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về hình thức:

Xét đơn kháng cáo của bị đơn Công ty X nằm trong thời hạn luật định, bị đơn đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên chấp nhận kháng cáo hợp lệ và được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty X.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trương Hải C buộc bị đơn là Công ty X phải thanh toán số tiền trợ cấp thôi việc là 41.200.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại Điều II Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 78/QĐ-TCHC ngày 24/9/2013 có ghi nhận: "Ông Trương Hải C có thời gian công tác tại Công ty X là 20 năm 00 tháng, kể từ tháng 01/1989 đến ngày 31/12/2008, được hưởng trợ cấp nghỉ việc mỗi năm công tác bằng 1/2 tháng lương cơ bản và các khoản phụ cấp khác (nếu có); cụ thể: 20 năm 00 tháng x ½ tháng = 10 tháng; 4.40 x 1.050.000 x 10 tháng = 46.200.000 đồng".

Căn cứ Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2007: "Khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động đã làm việc thường xuyên trong doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức từ một năm trở lên, người sử dụng lao động có trách nhiệm trợ cấp thôi việc, cứ mỗi năm làm việc là nửa tháng lương, cộng với phụ cấp lương, nếu có"; Căn cứ Quyết định nâng bậc lương năm 2007 ngày 28/7/2008 của Công ty X; Công văn số 65/BHXH-QLT ngày 10/01/2017 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về mức lương tối thiểu, bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền trợ cấp thôi việc là 46.200.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay, bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn 5.000.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền trợ cấp thôi việc còn lại là 41.200.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng quy định của pháp luật để buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền trợ cấp thôi việc là có căn cứ và đúng pháp luật, do vậy yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty X là không có cơ sở và không được chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Hải C về việc buộc bị đơn Công ty X trả sổ bảo hiểm xã hội, bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp, Hội đồng phúc thẩm xét thấy: Căn cứ Khoản 2 Điều 15 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 người lao động có quyền được nhận sổ bảo hiểm xã hội khi không còn làm việc. Hiện nay, bị đơn đang giữ sổ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn nên có trách nhiệm trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7, Điều 15, Điều 16, Điều 34 và Điều 35 Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp, nguyên đơn thuộc trường hợp được hưởng trợ cấp thất nghiệp và phải nộp sổ bảo hiểm xã hội để đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động. Do bị đơn không xác nhận thời gian đóng bảo hiểm và trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn đúng thời hạn nên nguyên đơn không thể thực hiện được quyền đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp với cơ quan lao động. Tuy nhiên, căn cứ Khoản 6 Điều 18 của Nghị định 28/2015/CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ thì tiền trợ cấp thất nghiệp chưa đủ điều kiện được

hưởng sẽ được bảo lưu cho lần hưởng trợ cấp thất nghiệp tiếp theo. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần.

Xét thấy cần phải sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được Tòa án chấp nhận một phần, sửa một phần án sơ thẩm nên án phí phúc thẩm bị đơn không phải chịu và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được hoàn lại.

Vì các lẽ nêu trên;

Áp dụng Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2007;

Căn cứ Khoản 2 Điều 15, Điều 82 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 và Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty X.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Hải C:

Buộc Công ty X phải trả cho ông Trương Hải C sổ bảo hiểm xã hội và tiền trợ cấp thôi việc là 41.200.000 đ (bốn mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Trương Hải C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty X chậm trả tiền thì Công ty X còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hải C về việc buộc Công ty X phải trả cho ông Trương Hải C số tiền trợ cấp thất nghiệp là 16.632.000 đ (mười sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty X phải nộp là 1.236.000 đ (một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Án phí lao động phúc thẩm: Công ty X không phải nộp.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty X đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002682 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân quận T (2);
- Chi cục THA Dân sự quận T (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu (10). Tổng cộng: 22b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Xuân